

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACA VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VINACA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINACA VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VINACA VN, JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108168858

3. Ngày thành lập: 26/02/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Khoái Nội, Xã Thắng Lợi, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà các loại	4100
2.	Xây dựng công trình công ích	4220
3.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
4.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
5.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
6.	Thu gom rác thải không độc hại (Trừ loại nhà nước cấm)	3811
7.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
8.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Sản xuất điện	3510
9.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
10.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn, nổ mìn và hoạt động khác tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
11.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
12.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023(Chính)
13.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
14.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
15.	Sản xuất hoá chất cơ bản (Trừ loại nhà nước cấm)	2011
16.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng Sản xuất thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	1079
17.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
18.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
19.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu (Trừ loại nhà nước cấm)	0128
20.	Trồng rừng và chăm sóc rừng (Trừ loại nhà nước cấm) Chi tiết: Ươm giống cây lâm nghiệp Trồng rừng và chăm sóc rừng tre, nứa	0210
21.	Trồng cây ăn quả	0121

6. Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 26/02/2018 đến ngày 28/03/2018

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN XUÂN THU	Đội 2, , Xã Tự Nhiên, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	510.000	51.000.000.000	51,000	0240810003 42	
			Tổng số	510.000	51.000.000.000	51,000		
2	VŨ KHÁNH DƯƠNG	Số 215, tổ 6, khu 1, Thị trấn Trới, Huyện Hoàn Bồ, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	70.000	7.000.000.000	7,000	0220650006 75	
			Tổng số	70.000	7.000.000.000	7,000		
3	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	Số 4/11/63 Cẩm, Phường Gia Viên, Quận Ngõ Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	70.000	7.000.000.000	7,000	0041550000 04	
			Tổng số	70.000	7.000.000.000	7,000		
4	TRƯƠNG THỊ BÌNH	Thôn Khê Ngoại, Xã Văn Khê, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	70.000	7.000.000.000	7,000	011533330	
			Tổng số	70.000	7.000.000.000	7,000		
5	BÙI THỊ PHƯƠNG NGÀ	Thôn Khoái Nội, Xã Thắng Lợi, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	70.000	7.000.000.000	7,000	111030051	
			Tổng số	70.000	7.000.000.000	7,000		
6	NGUYỄN THỊ MIỀN	Xóm Đường Cái, thôn Tu Lễ, Xã Kim Đường, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	70.000	7.000.000.000	7,000	111901737	
			Tổng số	70.000	7.000.000.000	7,000		
7	MAI THỊ KIM OANH	Xóm 10, Xã Mỹ Thắng, Huyện Mỹ Lộc, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	70.000	7.000.000.000	7,000	162236015	
			Tổng số	70.000	7.000.000.000	7,000		
8	NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO	Khu 6, Thị trấn Hạ Hoà, Huyện Hạ Hoà, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	70.000	7.000.000.000	7,000	131027212	
			Tổng số	70.000	7.000.000.000	7,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 022065000675

Ngày cấp: 28/10/2016 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 215, tổ 6, khu 1, Thị trấn Trới, Huyện Hoàn Bò, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 215, tổ 6, khu 1, Thị trấn Trới, Huyện Hoà Bình, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 024081000342

Ngày cấp: 08/02/2017 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Đội 2, , Xã Tự Nhiên, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Đội 2, , Xã Tư Nhiên, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội